



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Camimex

|                    |            |         |         |
|--------------------|------------|---------|---------|
| Ngày<br>31/12/2025 | 23,400 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | 8.8%       | 49.0%   | 17.0%   |

|                   |
|-------------------|
| DT thuần<br>Q4/25 |
| 515               |
| tỷ VNĐ            |
| QoQ: ▼130  -20.1% |
| YoY: ▼490  -48.7% |

|                    |
|--------------------|
| LN thuần<br>Q4/25  |
| 51.3               |
| tỷ VNĐ             |
| QoQ: ▲ 13.4  35.4% |
| YoY: ▲ 40.4  371%  |

|                      |
|----------------------|
| LN sau thuế<br>Q4/25 |
| 45.3                 |
| tỷ VNĐ               |
| QoQ: ▲ 11.2  32.9%   |
| YoY: ▲ 13.7  43.4%   |

|                          |
|--------------------------|
| Tỷ suất lãi EBIT<br>2025 |
| 12.1%                    |
| YoY: +/-▲ 5.6%           |

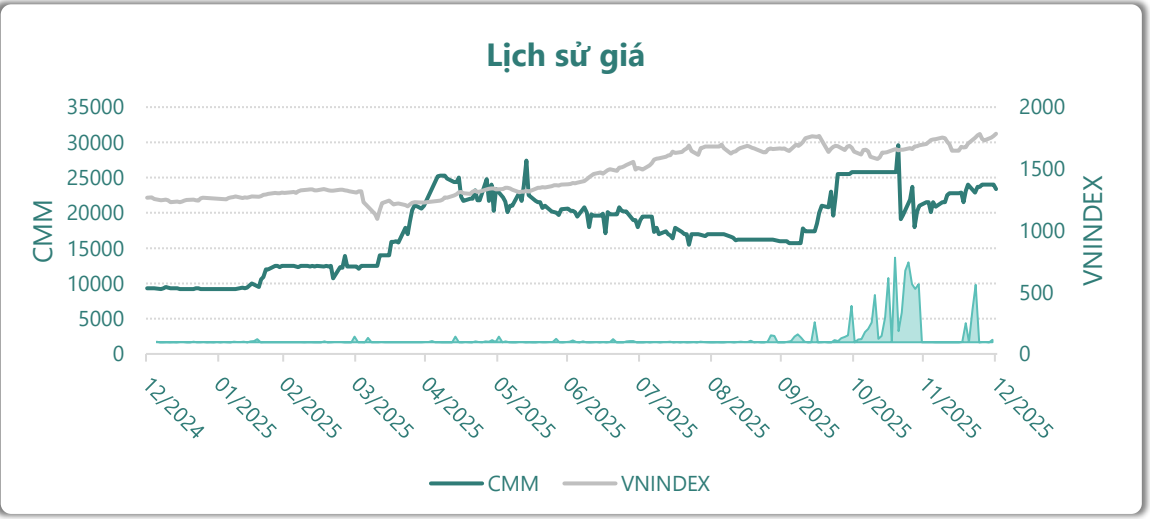
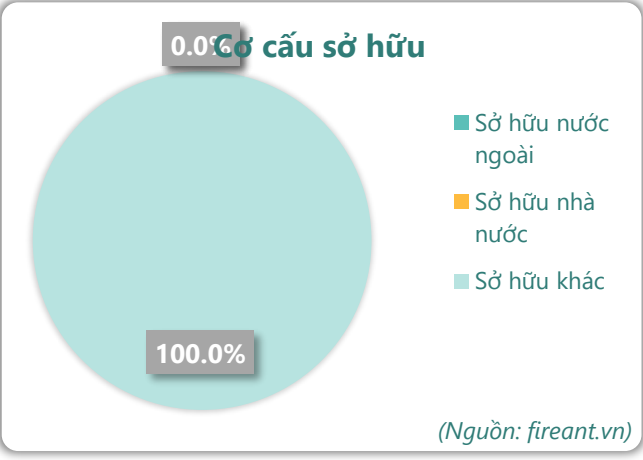
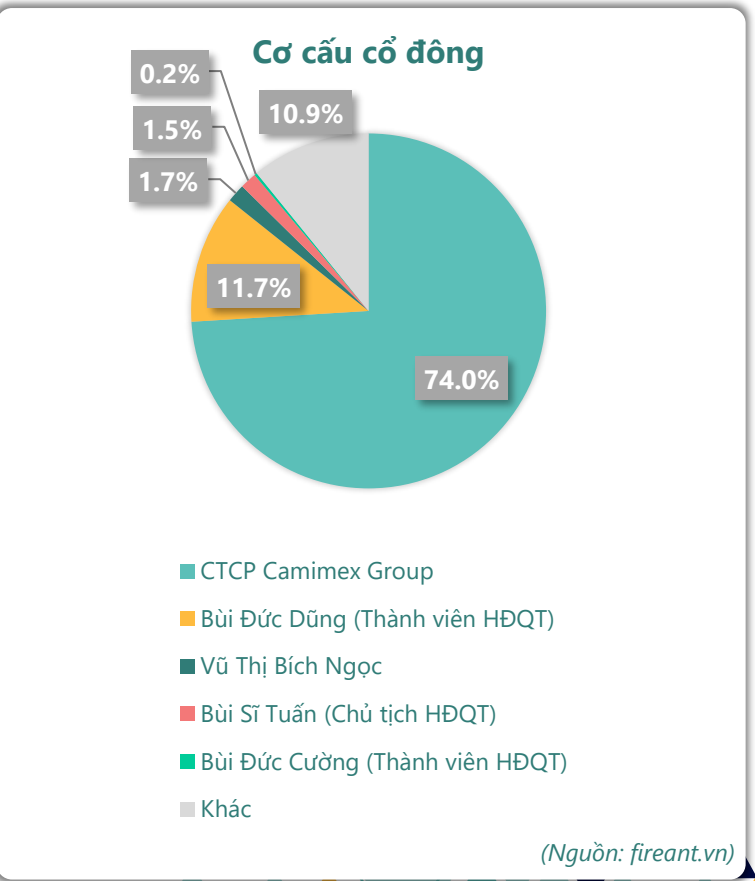
|                |
|----------------|
| ROE<br>2025    |
| 11.3%          |
| YoY: +/-▲ 6.1% |

|                       |                |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch         | UPCOM          |
| Khoảng giá 52 tuần    | 9,200 - 29,600 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 2,291          |
| Số lượng CPLH (CP)    | 97,899,998     |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 195            |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.0%           |
| Beta                  | (0.61)         |
| EPS                   | 1,346          |
| P/E                   | 17.4           |

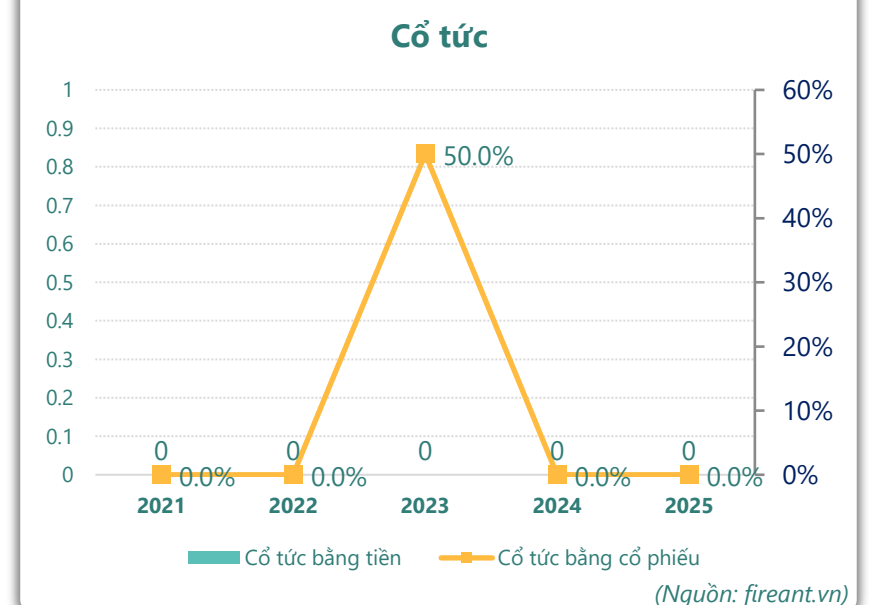
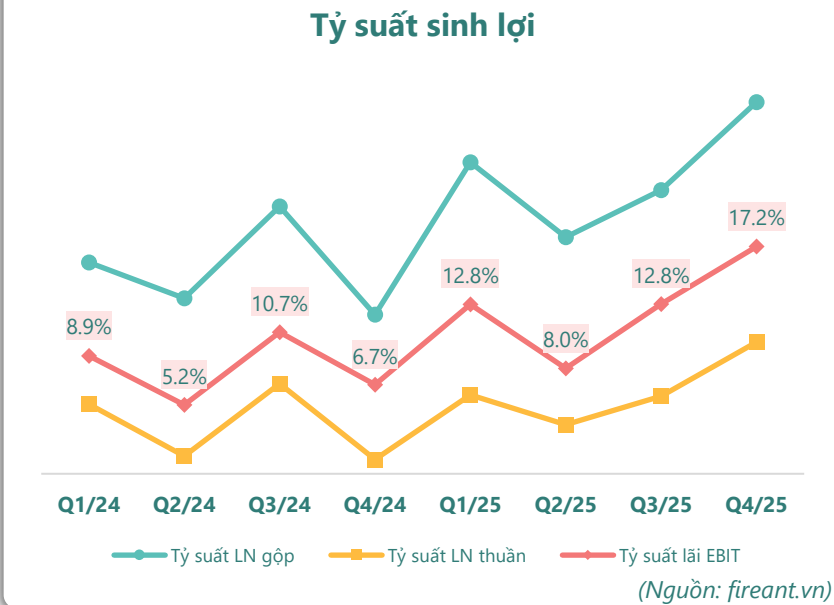
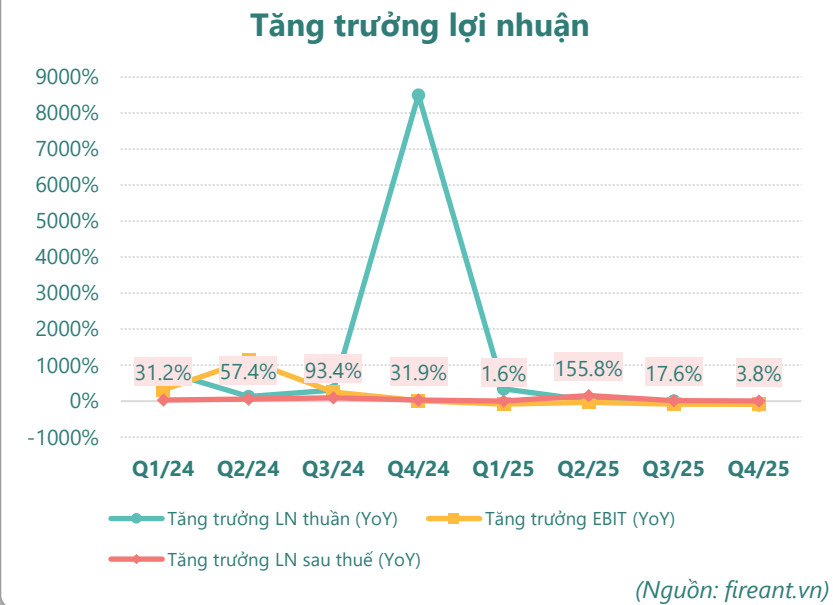
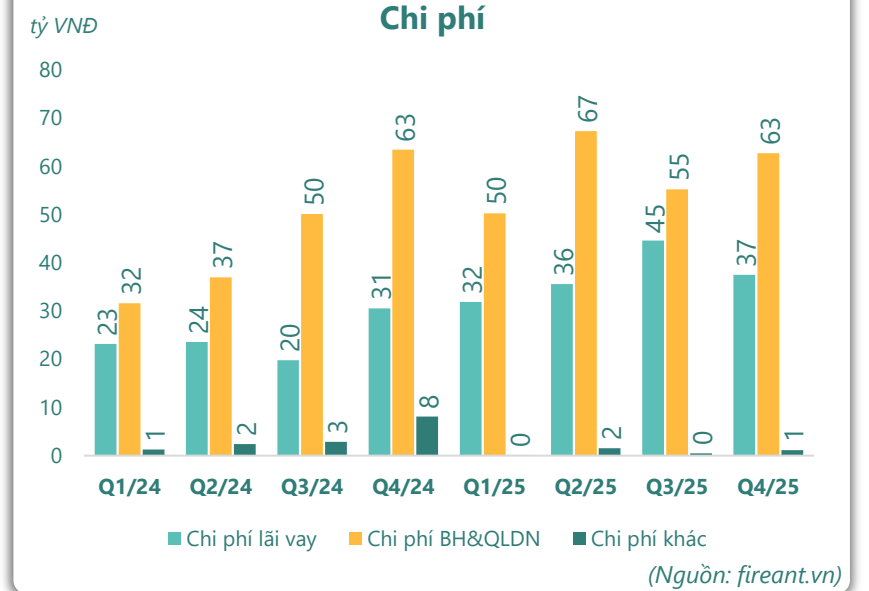
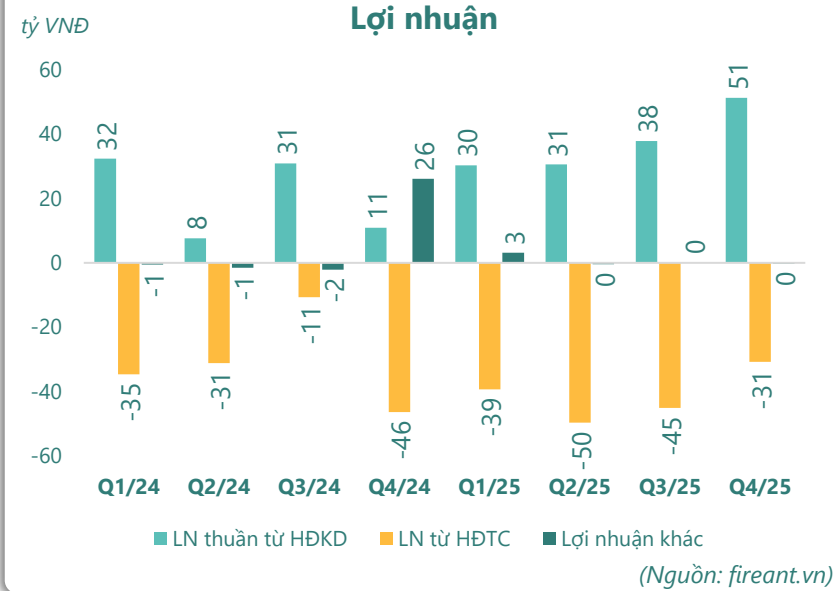
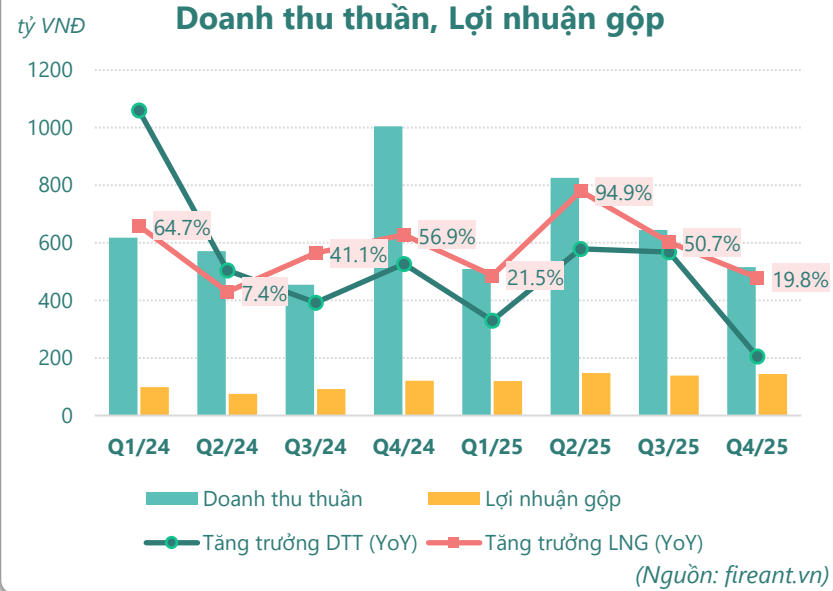
|                  |
|------------------|
| DT thuần<br>2025 |
| 2,495            |
| tỷ VNĐ           |
| YoY: ▼153  -5.8% |

|                   |
|-------------------|
| LN thuần<br>2025  |
| 150               |
| tỷ VNĐ            |
| YoY: ▲ 97.9  188% |

|                     |
|---------------------|
| LN sau thuế<br>2025 |
| 133                 |
| tỷ VNĐ              |
| YoY: ▲ 78.5  143%   |



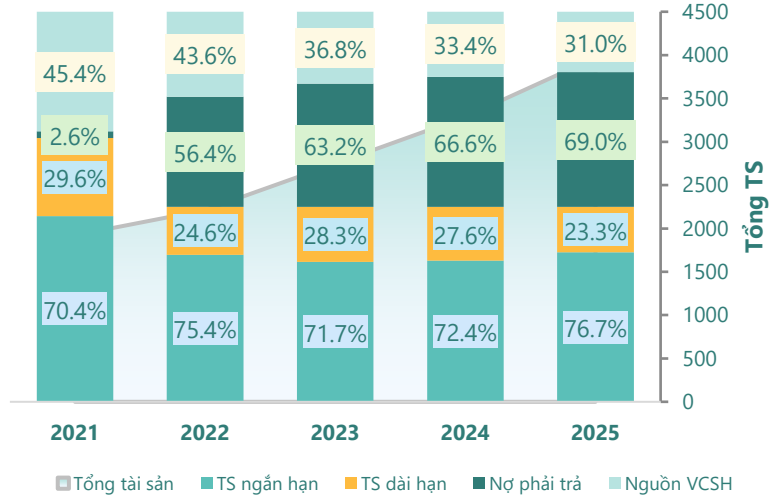
## KẾT QUẢ KINH DOANH



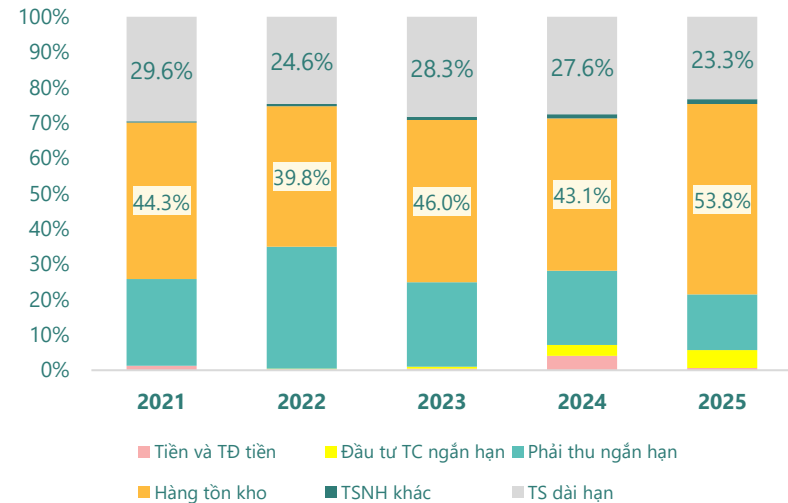
## TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

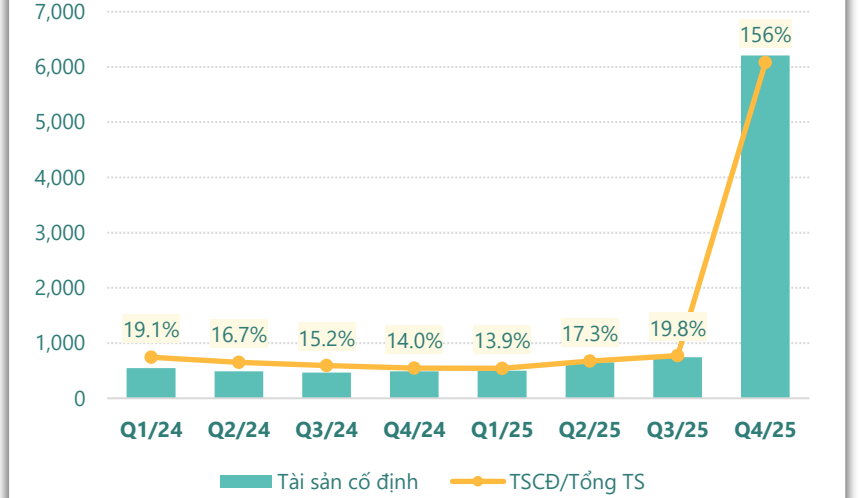


### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



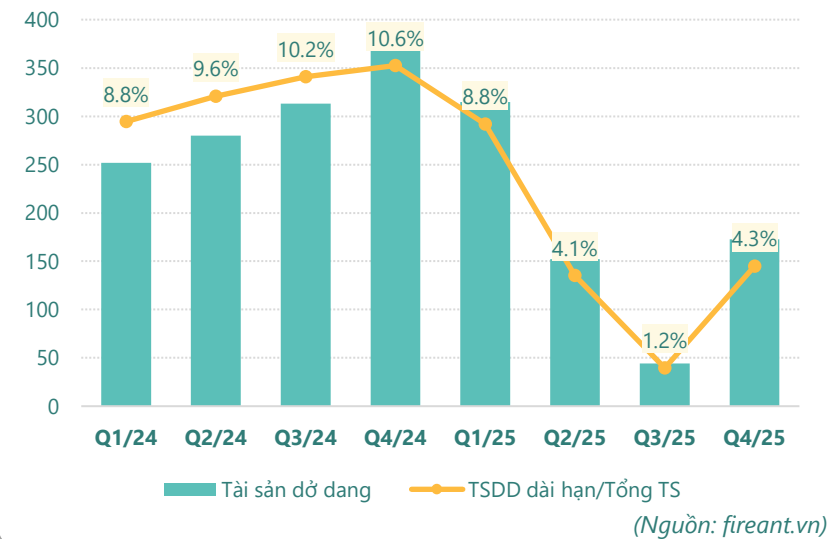
### Tài sản cố định

tỷ VNĐ



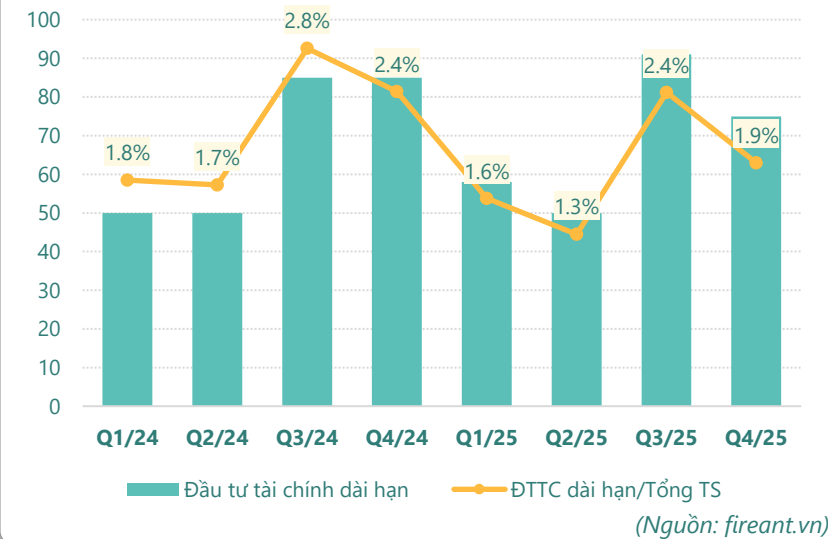
### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ



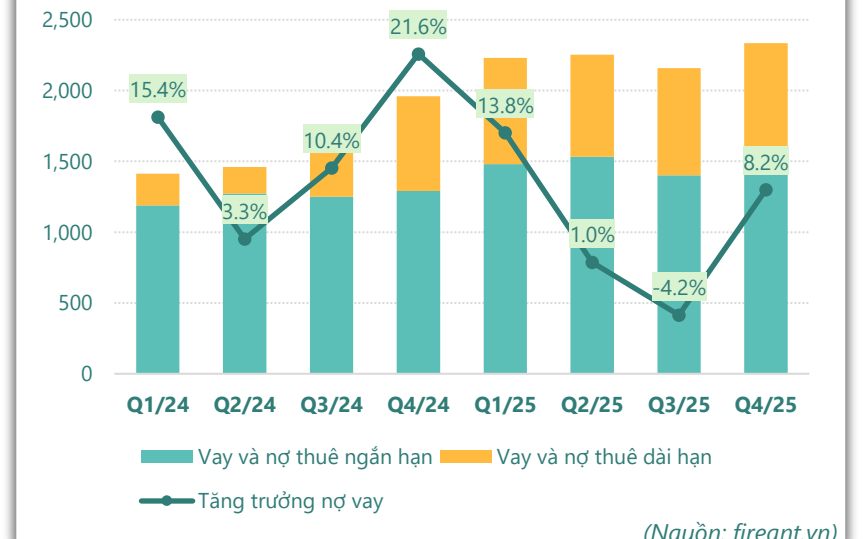
### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

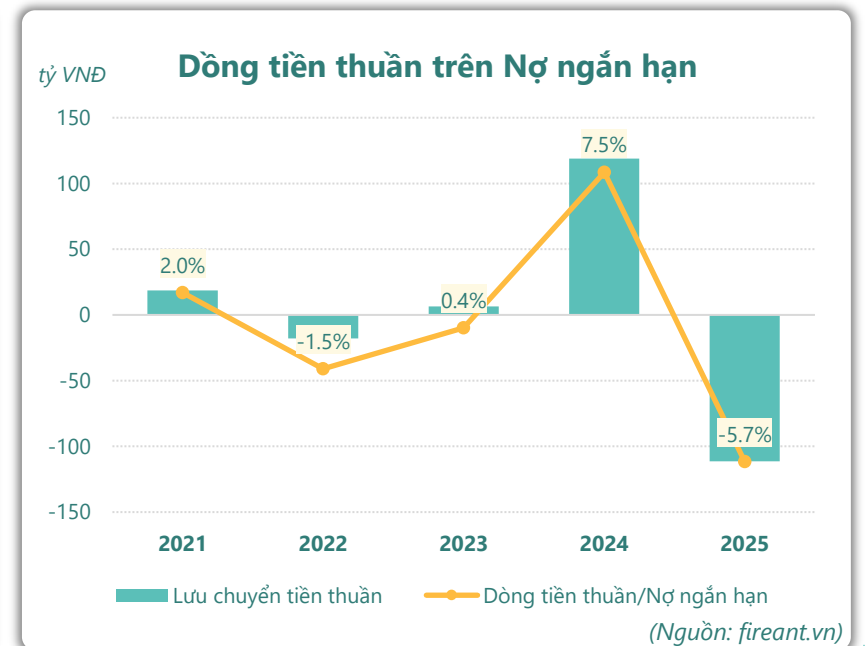
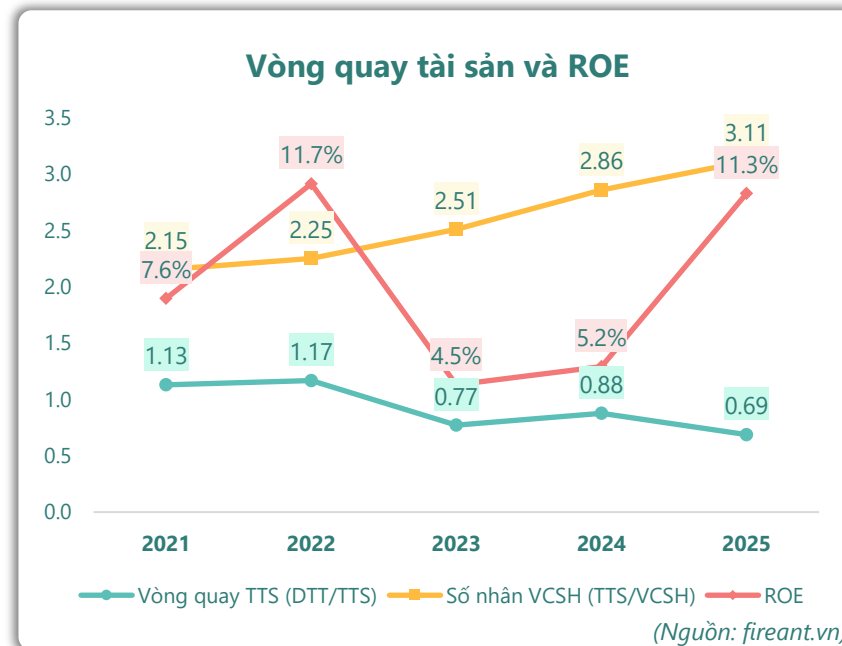
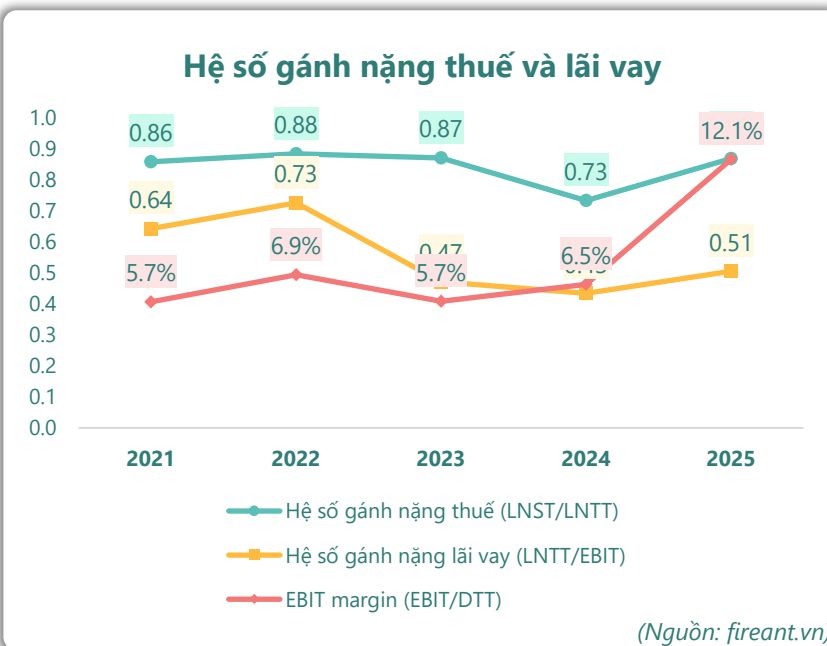
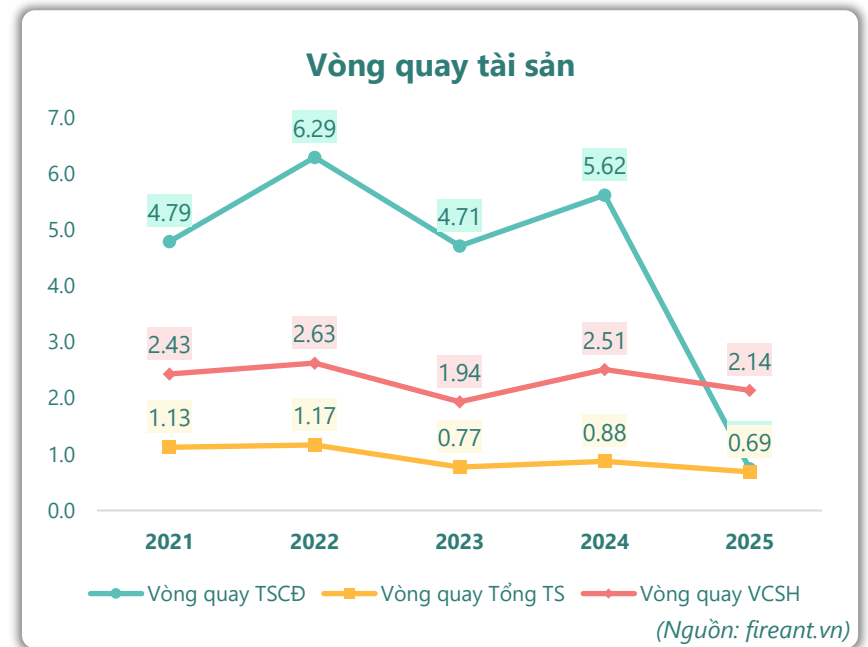
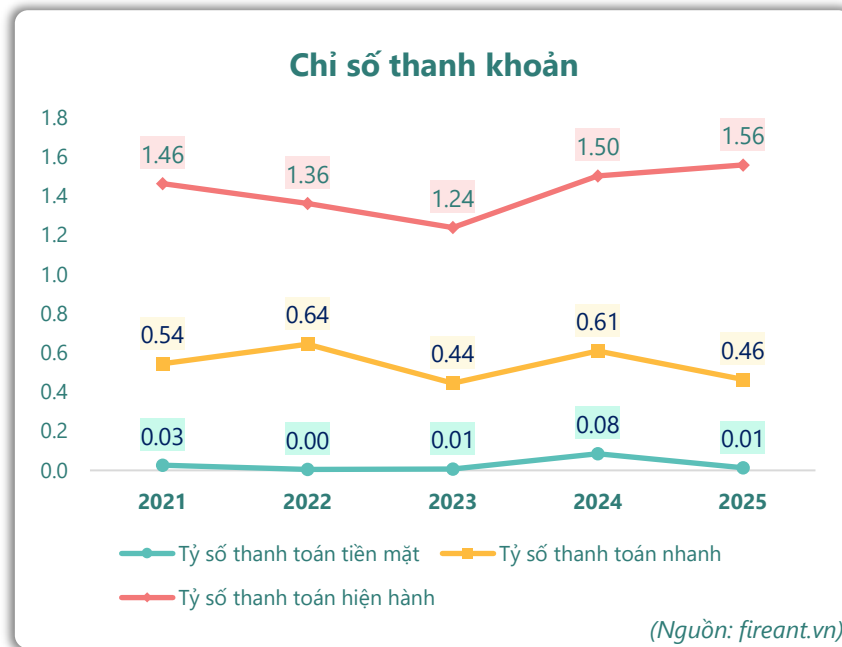
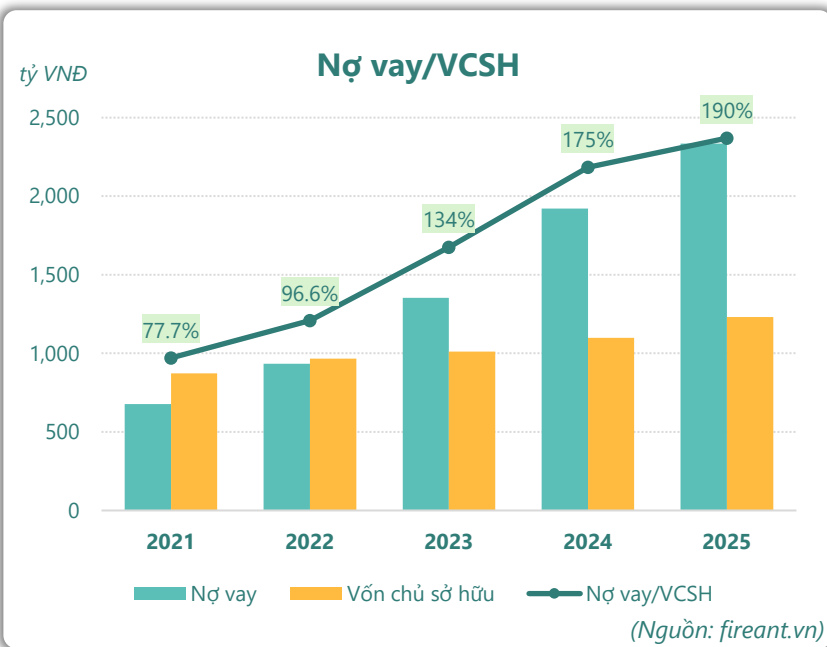


### Nợ vay

tỷ VNĐ



## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

| (tỷ VNĐ)                  | Q4/25        | Q4/24        | Thay đổi YoY  | 2025         | 2024         | Thay đổi YoY  |
|---------------------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>515</b>   | <b>1,005</b> | <b>-48.7%</b> | <b>2,495</b> | <b>2,648</b> | <b>-5.8%</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 370          | 884          | -58.1%        | 1,944        | 2,289        | -15.1%        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>145</b>   | <b>121</b>   | <b>19.7%</b>  | <b>551</b>   | <b>359</b>   | <b>53.6%</b>  |
| Doanh thu HĐTC            | 7.53         | 2.13         | 254%          | 37.4         | 19.4         | 92.9%         |
| Chi phí TC                | 38.3         | 48.6         | -21.1%        | 202          | 142          | 42.1%         |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>37.5</b>  | <b>30.6</b>  | <b>22.5%</b>  | <b>150</b>   | <b>97.1</b>  | <b>54.0%</b>  |
| LN trong công ty LKLD     | <b>0</b>     | <b>0.00</b>  |               | <b>0</b>     | <b>0</b>     |               |
| Chi phí bán hàng          | 39.8         | 38.3         | 4.0%          | 153          | 111          | 37.5%         |
| Chi phí QLDN              | <b>22.9</b>  | <b>25.2</b>  | <b>-9.0%</b>  | <b>82.9</b>  | <b>72.4</b>  | <b>14.5%</b>  |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>51.3</b>  | <b>10.9</b>  | <b>371%</b>   | <b>150</b>   | <b>52.1</b>  | <b>188%</b>   |
| Lợi nhuận khác            | <b>-0.28</b> | <b>26.2</b>  | <b>-101%</b>  | <b>2.64</b>  | <b>22.3</b>  | <b>-88.2%</b> |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>51.0</b>  | <b>37.1</b>  | <b>37.5%</b>  | <b>153</b>   | <b>74.4</b>  | <b>105%</b>   |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>45.3</b>  | <b>31.6</b>  | <b>43.4%</b>  | <b>133</b>   | <b>54.5</b>  | <b>143%</b>   |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>44.9</b>  | <b>31.3</b>  | <b>43.3%</b>  | <b>132</b>   | <b>54.5</b>  | <b>142%</b>   |

(Nguồn: fireant.vn)

**Lưu chuyển tiền tệ**

| (tỷ VNĐ)                     | Q3/24        | Q4/24        | Q1/25        | Q2/25        | Q3/25       | Q4/25       |
|------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|-------------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD      | 44.2         | 45.0         | -59.8        | 241          | 280         | -104        |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT      | <b>-50.7</b> | <b>-54.7</b> | <b>-91.8</b> | <b>-72.3</b> | 36.2        | 47.8        |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC      | 3.21         | 135          | 26.8         | -171         | -311        | 66.4        |
| Tiền đầu kỳ                  | 8.28         | 4.95         | 134          | 9.64         | 10.5        | 15.9        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần</b> | <b>-3.32</b> | <b>125</b>   | <b>-125</b>  | <b>-2.23</b> | <b>5.41</b> | <b>10.4</b> |
| Ảnh hưởng tỷ giá             | 0            | 4.21         | 0            | 3.05         | 0           | -0.58       |
| Tiền cuối kỳ                 | 4.95         | 134          | 9.64         | 10.5         | 15.9        | 25.7        |

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| (tỷ VNĐ)                    | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi     |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|--------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | <b>3,971</b>        | <b>3,286</b>        | <b>20.8%</b> |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>3,046</b>        | <b>2,380</b>        | <b>28.0%</b> |
| Tiền và tương đương tiền    | 25.7                | 134                 | -80.9%       |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 202                 | 99.1                | 104%         |
| Phải thu ngắn hạn           | 624                 | 692                 | -9.8%        |
| Hàng tồn kho                | 2,138               | 1,416               | 51.0%        |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 55.6                | 38.3                | 45.1%        |
| <b>Tài sản dài hạn</b>      | <b>925</b>          | <b>907</b>          | <b>2.1%</b>  |
| Phải thu dài hạn            | 1.03                | 1.03                | 0.0%         |
| Tài sản cố định             | 6,208               | 488                 | 1173%        |
| Bất động sản đầu tư         | 0                   | 0                   |              |
| Tài sản dở dang             | 173                 | 343                 | -49.7%       |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 75.0                | 58.0                | 29.3%        |
| Tài sản dài hạn khác        | <b>55.9</b>         | <b>16.5</b>         | <b>239%</b>  |
| Lợi thế thương mại          | 0                   | 0                   |              |
| <b>Nợ phải trả</b>          | <b>2,739</b>        | <b>2,187</b>        | <b>25.2%</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>          | <b>1,954</b>        | <b>1,583</b>        | <b>23.4%</b> |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 1,550               | 1,316               | 17.8%        |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 310                 | 149                 | 108%         |
| <b>Nợ dài hạn</b>           | <b>785</b>          | <b>604</b>          | <b>29.9%</b> |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 785                 | 604                 | 29.9%        |
| <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b> | <b>1,232</b>        | <b>1,099</b>        | <b>12.1%</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>       | <b>1,232</b>        | <b>1,099</b>        | <b>12.1%</b> |
| Vốn điều lệ                 | 979                 | 979                 | 0.0%         |
| <b>Kinh phí và quỹ khác</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>            |              |

(Nguồn: fireant.vn)

